TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HSST
Ngày: 15/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T- TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bình Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Y Hương- Bí thư huyện đoàn Huyện T, tỉnh Kon Tum;

+ Ông Vũ Văn Miêu- Phó phòng, Phòng TN&MT huyện T;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Chí Dũng- Thư ký, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kon Tum;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường- Kiểm sát viên.

Ngày 15/10/2019 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Kon Tum mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2019/TLST-HS ngày 12/9/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HS, ngày 01/10/2019 đối với các bị cáo:

Nguyễn Văn Đ (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 11/9/1993 tại M- Q. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969 và bà Hồ Thị L, sinh năm 1975, cùng trú tại: Thôn 6, xã K, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; Vợ Y Tím, sinh năm 1997, trú tại Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Kon Tum; Có 01 con sinh năm 2017. Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

A T (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 20/7/2002 tại N- T- Kon Tum. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Xê Đăng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A Q, sinh năm 1977 và bà Y X (Đã chết), trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Kon Tum; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo A T:* Luật sư Đinh Văn H, Thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kon Tum; Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Số 140 N, Phường Q, TP. Kon Tum;

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo dưới 18 tuổi (A T) và đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông A Q, sinh năm 1977; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Kon Tum.

- *Người bị hại*: Anh A Y, sinh năm 1984; Có mặt tại phiên tòa.

Trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ sáng, ngày 15/4/2019 Nguyễn Văn Đ chở A T đi huyện Đ, tỉnh Kon Tum để làm mì, bằng chiếc xe môtô BKS: 82E1-04271 của gia đình A T. Khi đến khu vực xã Đ, huyện T, Nguyễn Văn Đ rủ A T đi trộm cắp tài sản thì A T đồng ý. Khi đến khu vực thôn K, xã Đ, huyện T, Nguyễn Văn Đ và A T phát hiện một căn nhà xây và một căn nhà bếp xung quanh được làm bằng gỗ và nứa của gia đình anh A Y, không có ai ở nhà nên cùng nhau đi vào để tìm kiếm tài sản. A T nhặt một đoạn cây dùng để phá vách nứa phía sau nhà bếp. Khi vào được trong nhà bếp thì Nguyễn Văn Đ và A T thấy một máy cưa lốc ngay sát vách tường nhà bếp nên cùng lấy trộm, rồi đưa lên khu vực rừng phía sau nhà anh A Y để cất giấu. Sau đó, cả hai cùng quay lại căn nhà bếp để lấy một chiếc búa *(chiếc búa đinh dài 18cm, có cán bằng gỗ dài 16cm, đầu bằng sắt kích thước 2x10cm)*. Nguyễn Văn Đ cầm búa vừa lấy được phá khóa cửa chính của căn nhà xây, khi vào được bên trong thì Đ nói với A T ra ngoài đứng để canh chừng, còn Nguyễn Văn Đ đi vào phòng ngủ lấy trộm 23 chai thuốc diệt cỏ. Sau đó Đ ra ngoài canh để cho A T vào phòng ngủ khác lấy một máy bào gỗ. Sau khi lấy xong, Nguyễn Văn Đ đem 23 chai thuốc diệt cỏ còn A T đem một máy bào gỗ lên khu vực cất giấu máy cưa lốc trước đó. Tiếp đó cả hai cùng nhau quay lại nhà A Y để lấy trộm một máy cắt cỏ và một bao lúa; Cuối cùng Nguyễn Văn Đ và A T quay lại và lấy trộm một chiếc xe môtô màu đỏ đen nhãn hiệu yamaha sirius BKS: 37B1-722.53, rồi dắt lên vị trí tập kết số tài sản vừa lấy trộm được. Do chiếc xe máy không có chìa khóa nên Nguyễn Văn Đ và A T cùng nhau đập bể phần vỏ xe để nối dây và khởi động xe. Sau đó Nguyễn Văn Đ nói A T trông coi số tài sản vừa lấy được, còn Đ dùng chiếc xe môtô BKS: 82E1-042.71 để đi tìm đường di chuyển số tài sản vừa lấy được. Trên đường đi Nguyễn Văn Đ đã bị dân làng thôn K, xã Đ phát hiện bắt giữ và giao cho Công an xã Đ, huyện T. Vì đợi lâu nên A T bỏ đi, một lúc sau thì A T cũng bị Công an bắt và đưa về trụ sở Công an xã Đ, huyện T để làm việc.

Theo kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HĐ, ngày 25/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, tỉnh Kon Tum kết luận: 01 xe môtô YAMAHA, loại Sirius màu đỏ đen, mang biển kiểm soát 37B1-72.253

(xe đã hư hỏng) trị giá 3.000.000đ; 23 chai thuốc diệt cỏ nhãn hiệu đầu trâu GRASSAD (mỗi chai 1 lít) trị giá 1.955.000đ; 01 máy cắt cỏ *(đã qua sử dụng, nhãn hiệu chưa xác định)* trị giá 500.000đ; 01 máy cưa lốc hiệu STIHL *(đã qua sử dụng)* có giá trị là 1.000.000đ; 01 máy bào gỗ hiệu DELUXEMT (đã qua sử dụng) có trị giá 700.000đ; 61kg lúa khô có giá trị là 323.300đ. Tổng số tài sản có trị giá là 7.478.300đ.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Kon Tum đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 02/CSĐT ngày 01/7/2019 và số 03/CSĐT ngày 26/8/2019 trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp anh A Y số tài sản bị mất gồm: 23 chai thuốc diệt cỏ nhãn hiệu đầu trâu GRASSAD (chai 1 lít), 01 máy cắt cỏ (đã qua sử dụng), 01 máy cưa lốc hiệu STIHL (đã qua sử dụng), 01 máy bào gỗ nhãn hiệu DELUXEMT (đã qua sử dụng), 61kg lúa khô và 01 cái búa sắt cán gỗ đã qua sử dụng.

Cơ quan điều tra Công an huyện T tạm thu giữ 01 chiếc xe môtô YAMAHA loại Sirius màu đỏ đen, mang biển kiểm soát 37B1-722.53 và 01 chiếc xe môtô YAMAHA loại Sirius màu đỏ đen, mang biển kiểm soát 82E1-042.71 để điều tra, xác minh làm rõ nguồn gốc.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn Đ đã thỏa thuận bồi thường cho bị hại A Y số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng) để khắc phục hậu quả; Người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của người bị hại, tài liệu liên quan có tại hồ sơ vụ án. Tại Bản cáo trạng số: 03/CT-VKS ngày 11/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ và A T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ và A T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 09 đến 12 tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 91, Điều 100 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo A T từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và người bị hại tự thỏa thuận bồi thường và đã bồi thường xong, người bị hại không yêu cầu gì thêm nên không đề cập.

Về xử lý vật chứng và án phí: Theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo A T đồng ý với nội dung kết luận truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo A T và có ý kiến: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo A T là người đồng bào dân tộc thiểu số, khi phạm tội bị cáo mới

được 16 năm 8 tháng 25 ngày tuổi nên nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế. Mặt khác, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng quy định tại Điều 91, Điều 100 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo còn có điều kiện hoàn cảnh khó khăn, mẹ chết sớm, có hạn chế về giọng nói. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo A T với mức án cải tạo không giam giữ cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều nhận thấy việc làm sai trái của mình, xin Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt nhẹ nhất, các bị cáo hứa sẽ tích cực học tập, cải tạo để trở thành người tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:* Bị cáo Nguyễn Văn Đ và A T đã có hành vi trộm cắp tài sản tại Thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 268, 269 Bộ luật tố tụng hình sự.

Cơ quan điều tra Công an huyện T, điều tra viên; Viện kiểm sát và kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:* Quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Đ và A T đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 08 giờ ngày 15/4/2019, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản, Nguyễn Văn Đ và A T đã lén lút vào nhà của anh A Y, trú tại thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum để trộm cắp 01 xe môtô nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu đỏ, đen BKS 37B1- 722.53; 01 máy cắt cỏ; 01 máy cưa lốc hiệu STIHL, 01 máy bào gỗ hiệu DELUXEMT; 01 cái búa sắt cán gỗ; 23 chai thuốc diệt cỏ nhãn hiệu đầu trâu GRASSAD (chai 01 lít) và 01 bao lúa 61 kg. Tổng số tài sản trộm cắp có trị giá là 7.478.300đ *(Bảy triệu bốn trăm bảy mươi tám ngàn ba trăm đồng)*. Do đó, các bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 173 BLHS là có căn cứ đúng người, đúng tội. Xét thấy, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, cùng cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý lo lắng bất an cho người dân, còn

ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Do đó, cần xét xử nghiêm minh để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:*

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ: Là người chủ động khởi xướng, rủ rê A T là người dưới 18 tuổi đi trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm o khoản 1 điều 52 BLHS. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường 3.000.000đ cho người bị hại anh A Y nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 điều 51 BLHS. Bị cáo có nhân thân tốt, hiện tại có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; Bị cáo có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Vì vậy không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội vẫn bảo đảm tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà cải tạo trở thành người công dân tốt.

Đối với bị cáo A T: Khi phạm tội bị cáo A T mới được 16 năm 8 tháng 25 ngày tuổi, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên cần áp dụng Điều 91, Điều 100 của BLHS tuyên phạt bị cáo mức án cải tạo không giam giữ cũng đủ để giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo Nguyễn Văn Đ đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại anh A Y số tiền 3.000.000đ. Tại phiên tòa, người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, Bị cáo Đ cũng không yêu cầu bị cáo A T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường, hoàn trả lại số tiền bị cáo đã bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét về trách nhiệm dân sự nữa.

[5] *Về xử lý vật chứng:* Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã ra quyết định xử lý vật chứng số: 02/CSĐT ngày 01/7/2019 và số: 03/CSĐT ngày 26/8/2019 trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp anh A Y số tài sản bị mất gồm: 23 chai thuốc diệt cỏ nhãn hiệu đầu trâu GRASSAD (chai 1 lít), 01 máy cắt cỏ (đã qua sử dụng), 01 máy cưa lốc hiệu STIHL (đã qua sử dụng), 01 máy bào gỗ nhãn hiệu DELUXEMT (đã qua sử dụng), 61kg lúa khô và 01 cái búa sắt cán gỗ đã qua sử dụng. Xét thấy, việc trả lại các tài sản cho anh A Y là chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét nữa.

Đối với chiếc xe môtô hiệu YAMAHA loại Sirius màu đỏ đen, không biển kiểm soát, có số máy 5C63-663282, số khung C630CY663233 chiếc xe này là của ông A Qu, ông A Q hoàn toàn không biết việc A T và Đ dùng xe này đi

trộm cắp tài sản nên trả lại cho ông A Q cùng với giấy đăng ký xe môtô là phù hợp.

Đối với chiếc xe môtô hiệu YAMAHA loại Sirius màu đỏ đen, mang biển kiểm soát 37B1-722.53. Chiếc xe này là tài sản của anh A Y bị mất trộm nên cần trả lại cho người quản lý và sử dụng anh A Y là phù hợp với quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, người bị hại anh A Y trình bày còn bị mất Giấy phép lái xe, giấy đăng ký xe mô tô và chứng minh nhân dân. Bị cáo Đ thừa nhận có lấy những giấy tờ này nhưng đã làm mất và anh A Y cũng không có đề nghị gì về những giấy tờ này nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Anh A Y có quyền đến cơ quan có thẩm quyền để xin cấp lại giấy tờ theo quy định.

[6] *Về án phí:* Bị cáo Nguyễn Văn Đ và A T bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Tại phiên tòa, bị cáo A T có đơn xin miễn giảm án phí hình sự. Xét thấy bị cáo A T là đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, do vậy cần áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án để miễn án phí hình sự cho bị cáo A T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh:* Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ và A T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. *Về điều luật áp dụng và hình phạt:*

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm o khoản 1 điều 52; Điều 17 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án (15/10/2019). Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã N, huyện T trong giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh KonTum giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo, thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1, Điều 69 Luật thi hành án hình sự năm 2010.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 Điều 91; Điều 100 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo A T 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án hình sự và bản sao bản án. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao bị cáo A T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh KonTum giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ, gia đình bị cáo A T có trách nhiệm phối hợp với UBND xã N, huyện T trong giám sát, giáo dục bị cáo.

3. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại 01 xe môtô hiệu YAMAHA loại Sirius màu đỏ đen, không biển số, có số máy 5C63-663282, số khung C630CY663233 và 01 giấy đăng ký xe môtô số 002356 mang tên Bùi Hữu B, do Công an huyện Ngọc Hồi cấp ngày 26/9/2012 cho ông A Quang;

Trả lại 01 xe môtô hiệu YAMAHA loại Sirius màu đỏ đen, mang biển kiểm soát 37B1-722.53 cho anh A Y;

Hai chiếc xe có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/10/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kon Tum.

4. *Về án phí hình sự sơ thẩm:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo A T được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, người bào chữa, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/10/2019); Người đại diện hợp pháp của A T đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người bào chữa;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Bình Thanh

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**